

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019 HS-PT

Ngày 23 - 5 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông La Minh Tường

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Thanh

Ông Vũ Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Ái Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/5/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2019/TLPT-HS ngày 03 tháng 4 năm 2019 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2019/HSST ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2019/QĐXXPT-HS ngày 08/5/2019.

- Bị cáo có kháng cáo:

Mai Văn D (Tên gọi khác: V); Sinh ngày 21/11/1988 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Thị trấn T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn L, sinh năm 1960 và bà Mai Thị L, sinh năm 1967; Vợ là Phan Thị T, sinh năm 1993, con: Có 02 con (Lớn nhất sinh năm 2015; nhỏ nhất sinh năm 2018); Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Trong vụ án này còn có bị cáo Phan Thị T nhưng không kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để làm ăn nên tháng 3/2015, Mai Văn D và Phan Thị T ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Thừa Thiên

Huế số tiền 150.000.000 đồng. Việc vay tiền được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp tài sản của bà Mai Thị L (mẹ của bị cáo). Sau khi vay tiền, D và T đã lấy ra 30.000.000 đồng để sửa chữa quán nhậu, đồng thời thống nhất giao số tiền 120.000.000 đồng cho bà L cất giữ, quản lý. Sau đó, vợ chồng D nhiều lần hỏi tiền để kinh doanh nhưng không được sự đồng ý của bố mẹ nên đầu tháng 12/2015 D có ý định trộm cắp tiền của bà L. D lên lấy chìa khoá tủ quần áo trong phòng ngủ và chìa khoá tủ hàng tạp hoá của bà L đưa đi làm thêm mỗi loại một chìa rồi cất chìa khoá của bà L lại vị trí ban đầu.

Khoảng 08 giờ 15 phút, ngày 17/12/2015, lợi dụng lúc bố là Trần Văn L chở bà L đi lên thành phố H mua quần áo, trong nhà không có ai, D nói với T (vợ bị cáo): *“lên phòng mẹ lấy trộm tiền của mẹ”* thì T nói lại: *“anh lấy tiền làm gì, điên à, đừng nữa”* nhưng D vẫn đi thẳng lên tầng 02, vào phòng ngủ của bố mẹ, dùng chìa khoá đã làm từ trước, mở tủ đựng áo quần lấy trộm một cái thùng nhôm bên trong có số tiền 120.000.000 đồng là tiền vợ chồng D đã giao cho bà L quản lý, cất giữ và số vàng gồm: 10 nhẫn tròn trơn mỗi nhẫn một chỉ (trong đó có 04 chỉ là nhẫn cưới vợ chồng D gửi bà L giữ hộ từ trước), 06 sợi dây chuyền, 01 cái lắc và 07 khâu nhẫn có gắn đá trang trí. Sau đó D nói với T điều khiển xe mô tô BKS 75H1-246.66 mang thùng nhôm đến cầu T A đứng đợi D thì T đồng ý. Sau khi T đi, D lấy chìa khoá đã làm sẵn mở hộc tủ bán hàng tạp hóa lấy số tiền 7.000.000 đồng bỏ vào 01 túi ni lông màu đen, đi tiếp vào bếp lấy con dao nhọn và 01 cây kim rồi điều khiển xe mô tô BKS 75H4-2608 đi ra cầu T A gặp T. D lấy thùng nhôm từ T và bảo T chạy xe đi trước. D đứng một mình trên cầu dùng dao nhọn đâm thùng nhôm, dùng kim kéo tấm nhôm bị rách ra, lấy hết tiền để vào riêng 01 bì ni lông màu đen và lấy hết vàng để riêng 01 bì ni lông màu đen khác rồi rút thùng nhôm, 02 chìa khoá, 01 cái kim xuống phá Tam giang.

Sau đó D chạy xe về nhà mẹ vợ là bà Nguyễn Thị Đ cất dấu túi đựng vàng trong một chồng rổ nhựa để trước hiên nhà và cất dấu túi đựng tiền ở phía sau hè nhà, còn túi đựng tiền lấy ở hộc đựng hàng tạp hóa bị rơi mất ở đâu D không biết. Đến khoảng 11 giờ 15 phút cùng ngày, ông L và bà L về đến nhà phát hiện mất tài sản nên trình báo Cơ quan Công an. Trong khi Công an đang điều tra thì tối ngày 18/12/2015 D và T tự nhận với cha mẹ, đồng thời mang tiền và vàng trả lại, khi nhận lại đủ số tài sản bị trộm cắp thì bà L đã lấy ra số tiền 10.000.000 đồng cho bà Mai Thị T ở cùng thôn mượn. Đến sáng ngày 19/12/2015, D và T đến tự thú với cơ quan công an, đồng thời giao nộp toàn bộ số vàng nói trên và số tiền 110.000.000 đồng còn lại.

Tại bản kết luận giám định số: 08/TB-TĐC, ngày 08/01/2016 của Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng khoa học và công nghệ Quảng Trị, kết luận:

- 10 nhẫn tròn trơn kim loại màu vàng mỗi chiếc 01 chỉ, hàm lượng vàng từ 99,60 đến 99,99%;
- 01 lắc đeo tay màu vàng khối lượng 5,05 chỉ, hàm lượng vàng 61,00%;
- 01 nhẫn mặt vuông gắn đá màu đỏ 0,6 chỉ, hàm lượng vàng 46,90%;
- 01 nhẫn mặt vuông gắn đá màu đỏ 1,35 chỉ, hàm lượng vàng 47,22%;

- 01 nhẫn dài gắn đá màu xanh 0,6 chỉ, hàm lượng vàng 49,23%;
- 01 nhẫn xoài gắn đá màu tím 0,6 chỉ, hàm lượng vàng 45,19%;
- 01 nhẫn gắn 12 viên đá màu trắng 0,45 chỉ, hàm lượng vàng 47,17%;
- 01 nhẫn xoài gắn đá màu trắng 0,6 chỉ, hàm lượng vàng 43,03%;
- 01 nhẫn xoàn gắn đá màu trắng 0,7 chỉ, hàm lượng vàng 47,63%;
- 01 dây chuyền tượng phật đá màu trắng 3,28 chỉ, hàm lượng vàng 52,68%;
- 01 dây chuyền tượng phật vàng 2,8 chỉ, hàm lượng vàng 61,71%;
- 01 dây chuyền tượng mèo khối lượng 2,3 chỉ, hàm lượng vàng 66,12%;
- 01 dây chuyền xoắn thường khối lượng 1,6 chỉ, hàm lượng vàng 45,65%;
- 01 dây chuyền tượng trái tim khối lượng 1,5 chỉ, hàm lượng vàng 47,49%;
- 01 dây chuyền tượng sao biển 0,65 chỉ, hàm lượng vàng 68,50%.”

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 42/KL-HĐĐG, ngày 13/09/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P, kết luận:

Toàn bộ số vàng nói trên có trị giá là 65.833.296 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà D chiếm đoạt là 192.833.296 đồng, trong đó được sự giúp sức của Phan Thị T để chiếm đoạt 185.833.296 đồng.

- Về xử lý vật chứng;

Cơ quan điều tra Công an, Chi cục Thi hành án dân sự huyện P đã trả lại cho các chủ sở hữu và quản lý tài sản trên, xử lý một số vật chứng theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2016/HSST, ngày 06/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện P và bản án hình sự Phúc thẩm số: 104/2016/HSPT, ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Về dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu gì thêm, đồng thời làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Vụ án này đã được Tòa án nhân dân các cấp đưa ra xét xử 5 lần và đã hủy Bản án hình sự sơ thẩm lần 2 số: 42/2017/HSST ngày 21/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế để tiến hành tố tụng lại từ giai đoạn điều tra.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2019/HS-ST ngày 28-02-2019 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, Xử phạt bị cáo Mai Văn D 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, về trách nhiệm dân sự, về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/3/2019, và ngày 16/4/2019 bị cáo Mai Văn D có đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 04/3/2019, ông Trần Văn L và bà Mai Thị L là người bị hại, có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Mai Văn D và xin cho D được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ăn năn hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo mức án nhẹ để bị cáo cải tạo trở thành công dân tốt.

Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Văn D và giữ nguyên bản án sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Do cần tiền để làm ăn nên khoảng 08 giờ 15 phút, ngày 17/12/2015, Mai Văn D và Phan Thị T đã lén lút lấy trộm số tiền và vàng trị giá 185.833.296 đồng để ở tủ đựng áo quần trong phòng ngủ của của ông Trần Văn L và bà Mai Thị L. Ngoài ra, D còn lén lút lấy trộm số tiền 7.000.000 đồng ở tủ hàng tạp hóa của bà L.

Với hành vi nêu trên, bị cáo D và bị cáo T đã bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173; Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Mai Văn D và ông Trần Văn L bà Mai Thị L thấy rằng: Bị cáo D là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu và quyền quản lý về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, do đó, cần xét xử nghiêm để giáo dục và phòng ngừa chung.

Trong quá trình xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đã cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ như: Tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; tự thú và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo D 01 năm 03 tháng tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã chiếu cố cho bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có bổ sung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Do vậy, không thể chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo và của người bị hại mà cần giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm như lời đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4]. Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Mai Văn D phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Văn D và của người bị hại, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Mai Văn D, 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo D phải chịu 200.000 đồng

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I TANDTC;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;
- TAND huyện P;
- Bị cáo;
- Chi cục huyện P;
- Lưu Hs, Vp, Tòa Hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

LA MINH TƯỜNG